

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

Số: 508/ CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST
Quý III /2021 và 9 tháng đầu năm
2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 15 tháng 10 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lãi; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty quý III/2021 và 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

1. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý III/2021 và Quý III/2020:

Chỉ tiêu	Quý III/2021	Quý III/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.062	59.303	5.759	9,71
Các khoản giảm trừ	-	210	(210)	(100,00)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	65.062	59.093	5.969	10,10
Giá vốn hàng bán	61.564	56.905	4.659	8,19
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	3.498	2.188	1.310	59,86
Doanh thu hoạt động tài chính	0,2	0,1	0,12	93,92
Chi phí tài chính	7.063	6.348	715	11,27
Chi phí bán hàng	692	1.073	(382)	(35,56)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.365	3.740	625	16,72
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.621)	(8.972)	351	(3,91)
Thu nhập khác	-	9	(9)	-
Chi phí khác	70	-	70	-
Lợi nhuận khác	(70)	9	(78)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.691)	(8.964)	273	(3,04)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.691)	(8.964)	273	(3,04)

Lợi nhuận sau thuế quý III/2021 của Công ty lỗ 8.691 triệu đồng giảm lỗ 273 triệu đồng so với quý III/2020 (lỗ 8.964 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý III/2021 là: 65.062 triệu đồng tăng so với quý III/2020 (59.303 triệu đồng) là: 9,71% tương ứng với 5.759 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý III/2021 là: 78.629,97 tấn xi măng các loại tăng so với quý III/2020 (66.454,08 tấn) tương đương tăng 18,32%. Giá vốn hàng bán tăng từ 56.905 triệu đồng của quý III/2020 lên 61.564 triệu đồng quý III/2021 (tăng 8,19% tương ứng tăng 4.659 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý III/2021 tăng 1.310 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của quý III/2021 là: 692 triệu đồng giảm 382 triệu đồng so với quý III/2020 (1.073 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý III/2021 (4.365 triệu đồng) tăng 625 triệu đồng so với quý III/2020 (3.740 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 715 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý III/2021 tăng so với quý III/2020 là: 351 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 78 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý III/2021 tăng 273 triệu đồng so với quý III/2020.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 9 tháng năm 2021 và 9 tháng năm 2020:

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm 2021	9 tháng đầu năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	206.665	180.284	26.381	14,63
Các khoản giảm trừ	231	552	(321)	(58,12)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	206.434	179.733	26.701	14,86
Giá vốn hàng bán	183.684	175.415	8.269	4,71
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	22.751	4.318	18.433	426,88
Doanh thu hoạt động tài chính	0,7	0,9	(0,18)	(19,58)
Chi phí tài chính	21.114	18.377	2.738	14,90
Chi phí bán hàng	2.296	5.103	(2.807)	(55,01)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.162	10.939	3.223	29,46
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(14.821)	(30.100)	15.279	(50,76)
Thu nhập khác	3,3	36	(32)	(90,59)
Chi phí khác	156	-	156	-
Lợi nhuận khác	(153)	36	(189)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.974)	(30.064)	15.090	(50,19)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(14.974)	(30.064)	15.090	(50,19)

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2021 của Công ty lỗ 14.974 triệu đồng giảm lỗ 15.090 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2020 (lỗ 30.064 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 9 tháng đầu năm 2021 là: 206.665 triệu đồng tăng so với 9 tháng đầu năm 2020 (180.284 triệu đồng) là: 14,63% tương ứng với 26.381 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 9 tháng đầu năm 2021 là: 242.768,24 tấn xi măng các loại tăng so với 9 tháng đầu năm 2020 (200.382,99 tấn) tương đương tăng 21,15 %. Giá vốn hàng bán tăng từ 183.684 triệu đồng của 9 tháng đầu năm 2020 lên 175.415 triệu đồng 9 tháng đầu năm 2021(tăng 4,71 % tương ứng tăng 8.269 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 9 tháng đầu năm 2021 tăng 18.433 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của 9 tháng đầu năm 2021 là: 2.296 triệu đồng giảm 2.807 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2020(5.103 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 9 tháng đầu năm 2021 (14.162 triệu đồng) tăng 3.223 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2020 (10.939 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 2.738 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2021 tăng so với 9 tháng đầu năm 2020 là: 15.279 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 189 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 9 tháng đầu năm 2021 tăng 15.090 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2020.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty:

1. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý III/2021 và Quý III/2020:

Chỉ tiêu	Quý III/2021	Quý III/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.062	59.303	5.759	9,71
Các khoản giảm trừ	-	210	(210)	(100,00)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	65.062	59.093	5.969	10,10
Giá vốn hàng bán	61.564	56.905	4.659	8,19
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	3.498	2.188	1.310	59,86
Doanh thu hoạt động tài chính	0,2	0,1	0,12	93,92
Chi phí tài chính	7.063	6.348	715	11,27
Chi phí bán hàng	692	1.073	(382)	(35,56)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.365	3.740	625	16,72
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(8.621)	(8.972)	351	(3,91)
Thu nhập khác	-	9	(9)	-
Chi phí khác	70	-	70	-
Lợi nhuận khác	(70)	9	(78)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(8.691)	(8.964)	273	(3,04)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8.691)	(8.964)	273	(3,04)

Lợi nhuận sau thuế quý III/2021 của Công ty lỗ 8.691 triệu đồng giảm lỗ 273 triệu đồng so với quý III/2020 (lỗ 8.964 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý III/2021 là: 65.062 triệu đồng tăng so với quý III/2020 (59.303 triệu đồng) là: 9,71% tương ứng với 5.759 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý III/2021 là: 78.629,97 tấn xi măng các loại tăng so với quý III/2020 (66.454,08 tấn) tương đương tăng 18,32%. Giá vốn hàng bán tăng từ 56.905 triệu đồng của quý III/2020 lên 61.564 triệu đồng quý III/2021 (tăng 8,19% tương ứng tăng 4.659 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý III/2021 tăng 1.310 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của quý III/2021 là: 692 triệu đồng giảm 382 triệu đồng so với quý III/2020 (1.073 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý III/2021 (4.365 triệu đồng) tăng 625 triệu đồng so với quý III/2020 (3.740 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 715 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý III/2021 tăng so với quý III/2020 là: 351 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 78 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý III/2021 tăng 273 triệu đồng so với quý III/2020.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 9 tháng năm 2021 và 9 tháng năm 2020:

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm 2021	9 tháng đầu năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	206.665	180.284	26.381	14,63
Các khoản giảm trừ	231	552	(321)	(58,12)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	206.434	179.733	26.701	14,86
Giá vốn hàng bán	183.684	175.415	8.269	4,71
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	22.751	4.318	18.433	426,88
Doanh thu hoạt động tài chính	0,7	0,9	(0,18)	(19,58)
Chi phí tài chính	21.114	18.377	2.738	14,90
Chi phí bán hàng	2.296	5.103	(2.807)	(55,01)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.162	10.939	3.223	29,46
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(14.821)	(30.100)	15.279	(50,76)
Thu nhập khác	3,3	36	(32)	(90,59)
Chi phí khác	156	-	156	-
Lợi nhuận khác	(153)	36	(189)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(14.974)	(30.064)	15.090	(50,19)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(14.974)	(30.064)	15.090	(50,19)

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2021 của Công ty lỗ 14.974 triệu đồng giảm lỗ 15.090 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2020 (lỗ 30.064 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 9 tháng đầu năm 2021 là: 206.665 triệu đồng tăng so với 9 tháng đầu năm 2020 (180.284 triệu đồng) là: 14,63% tương ứng với 26.381 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 9 tháng đầu năm 2021 là: 242.768,24 tấn xi măng các loại tăng so với 9 tháng đầu năm 2020 (200.382,99 tấn) tương đương tăng 21,15 %. Giá vốn hàng bán tăng từ 183.684 triệu đồng của 9 tháng đầu năm 2020 lên 175.415 triệu đồng 9 tháng đầu năm 2021(tăng 4,71 % tương ứng tăng 8.269 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 9 tháng đầu năm 2021 tăng 18.433 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của 9 tháng đầu năm 2021 là: 2.296 triệu đồng giảm 2.807 triệu đồng so với 9 tháng đầu

năm 2020(5.103 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 9 tháng đầu năm 2021 (14.162 triệu đồng) tăng 3.223 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2020 (10.939 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 2.738 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 9 tháng đầu năm 2021 tăng so với 9 tháng đầu năm 2020 là: 15.279 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 189 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 9 tháng đầu năm 2021 tăng 15.090 triệu đồng so với 9 tháng đầu năm 2020.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm Soát(B/c);
- Lưu VP.

CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XI MĂNG
PHÚ THỌ
M.S. N: 2600110271-C
H. THÁNH HẠ - T. PHÚ THỌ

ÔNG GIÁM ĐỐC
Trần Xuân Đạt